

Số: **193** /ĐA-UBND

Quảng Trị, ngày **17** tháng 11 năm 2021

ĐỀ ÁN

Quy định về số lượng và chế độ, chính sách đối với Nhân viên khuyến nông và Nhân viên thú y xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Cơ sở thực tiễn

Đội ngũ khuyến nông và thú y cơ sở là lực lượng nòng cốt trong công tác hướng dẫn nông dân chủ động phòng, chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi kịp thời, hiệu quả, hạn chế dịch bệnh lây lan trên diện rộng, giảm thiểu thiệt hại cho bà con nông dân, đặc biệt là các dịch bệnh động vật nguy hiểm lây sang người, giúp người dân yên tâm phát triển sản xuất.

Trong bối cảnh sản xuất nông nghiệp tỉnh nhà hiện nay vẫn chủ yếu là nông hộ nhỏ lẻ, dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, đặc biệt là các loại dịch bệnh nguy hiểm trên cây trồng, vật nuôi, thủy sản thì lực lượng khuyến nông và thú y cơ sở có vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ người dân thay đổi tập quán từ sản xuất nhỏ lẻ sang sản xuất chuyên canh tập trung, an toàn dịch bệnh, ứng dụng khoa học công nghệ, công nghệ cao,... sẽ góp phần tăng năng suất lao động, nâng cao sức cạnh tranh, thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII. Vì vậy, việc xây dựng Nghị quyết "*Quy định về số lượng và chế độ, chính sách đối với Nhân viên khuyến nông và Nhân viên thú y xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị*" là rất cần thiết.

2. Cơ sở pháp lý

- Luật Thú y năm 2015 (Khoản 2, Điều 6) quy định: "Căn cứ vào yêu cầu hoạt động thú y trên địa bàn và khả năng cân đối nguồn lực của địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đề nghị Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định bố trí nhân viên thú y xã, phường, thị trấn."

- Nghị định 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y (Khoản 2 và 3, Điều 5) quy định chế độ, chính sách đối với nhân viên thú y ở xã, phường, thị trấn

- Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về Khuyến nông;

- Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

- Thông tư số 04/2009/TT-BNN ngày 21/01/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn nhiệm vụ của cán bộ, nhân viên chuyên môn, kỹ thuật ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công tác trên địa bàn cấp xã;

- Thông tư số 29/2016/TT-BNNPTNT ngày 05/8/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định tiêu chuẩn đối với nhân viên thú y xã, phường, thị trấn.

I. NỘI DUNG ĐỀ ÁN

1. Mục tiêu, đối tượng

a) Mục tiêu

- Xây dựng Nhân viên khuyến nông (NVKN) và Nhân viên thú y (NVTY) xã, phường, thị trấn (*sau đây gọi chung là cấp xã*) có đủ năng lực để hoàn thành nhiệm vụ khuyến nông, bảo vệ thực vật, chăn nuôi và thú y tại cơ sở trong giai đoạn mới.

- Quy định về số lượng và chế độ, chính sách cho NVKN và NVTY cấp xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh nhằm đảm bảo tính thống nhất trong tổ chức và hoạt động.

b) Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Phạm vi điều chỉnh: Đề án này quy định về số lượng và chế độ, chính sách đối với nhân viên khuyến nông và nhân viên thú y xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

- Đối tượng áp dụng: Nhân viên khuyến nông và nhân viên thú y cấp xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Số lượng

2.1. Nhân viên khuyến nông

- Tiêu chí bố trí: Mỗi xã, phường, thị trấn bố trí 01 NVKN; đối với các phường, thị trấn có quy mô sản xuất nông nghiệp nhỏ (tổng diện tích đất sản xuất dưới 100 ha, có 04 xã) không bố trí NVKN.

- Số lượng: **121 người**.¹

2.2. Nhân viên Thú y

- Tiêu chí bố trí: Mỗi xã, phường, thị trấn bố trí 01 NVTY; riêng huyện Đảo Cồn Cỏ bố trí 01 NVTY.

- Số lượng: **126 người**

3. Chức năng, nhiệm vụ của nhân viên khuyến nông và nhân viên thú y

3.1. Chức năng

a) Nhân viên khuyến nông: Giúp Ủy ban nhân dân cấp xã triển khai các hoạt động khuyến nông, bảo vệ thực vật; hướng dẫn phát triển sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và phòng chống dịch bệnh ở cây trồng trên địa bàn cấp xã.

b) Nhân viên thú y: Giúp Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo, tổ chức thực hiện các giải pháp để phát triển chăn nuôi (bao gồm cả lĩnh vực thủy sản); phòng chống dịch bệnh; xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh, vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn cấp xã.

3.2. Nhiệm vụ

a) Nhân viên khuyến nông: Thực hiện theo quy định tại Điểm 4 Mục II Phần II Thông tư 04/2009/TT-BNN ngày 21/10/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn nhiệm vụ của cán bộ, nhân viên chuyên môn, kỹ thuật ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn công tác trên địa bàn cấp xã.

¹So với hiện nay KNV giảm 14 người; toàn bộ khuyến nông cơ sở sau khi kiện toàn giảm 407 người.

b) Nhân viên thú y: Thực hiện theo quy định tại Điểm 2 Mục II Phần II Thông tư 04/2009/TT-BNN ngày 21/10/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn nhiệm vụ của cán bộ, nhân viên chuyên môn, kỹ thuật ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn công tác trên địa bàn cấp xã.

4. Tiêu chuẩn

4.1. Đối với nhân viên khuyến nông

a) Trình độ đào tạo

Có trình độ từ trung cấp trở lên các chuyên ngành về lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn, trừ các chuyên ngành quy định cho nhân viên thú y xã (trong đó ưu tiên lĩnh vực về cây trồng).

b) Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ: Nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước về khuyến nông; có khả năng truyền đạt các chủ trương, chính sách của Nhà nước (đặc biệt là lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp) cho nông dân. Tham mưu cho địa phương xây dựng phương án tổ chức sản xuất nông nghiệp; có kiến thức nhận biết tình hình sâu bệnh hại trên cây trồng; có kỹ năng tuyên truyền, vận động người dân áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất; thực hiện tốt các chủ trương chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; tổ chức sản xuất hỗ trợ liên kết tiêu thụ nông sản cho người dân.

c) Có đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

d) Bảo đảm độ tuổi làm việc theo quy định của pháp luật về lao động.

4.2. Đối với nhân viên thú y

Thực hiện theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 29/2016/TT-BNNPTNT ngày 05/8/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định tiêu chuẩn đối với nhân viên thú y xã, phường, thị trấn.

5. Tuyển chọn, sử dụng, quản lý

5.1. Tuyển chọn

a) Nhân viên khuyến nông và nhân viên thú y tại các địa phương do Ủy ban nhân dân cấp xã đề xuất nhân sự. Phòng Nội vụ chủ trì phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện (Phòng Kinh tế thị xã, thành phố), Trạm Khuyến nông, Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Trạm Chăn nuôi và Thú y cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức tuyển chọn, trình UBND cấp huyện phê duyệt kết quả tuyển chọn.

b) Tùy theo tỷ trọng và định hướng sản xuất giữa trồng trọt, lâm nghiệp, chăn nuôi và thủy sản của từng địa phương, Ủy ban nhân dân cấp xã đề xuất với Hội đồng tuyển chọn cấp huyện xem xét, lựa chọn nhân viên có chuyên môn phù hợp.

c) Trong trường hợp có nhiều người đủ tiêu chuẩn theo quy định thì ưu tiên lựa chọn theo thứ tự như sau: Tuyển chọn những người đã được hợp đồng thực hiện khuyến nông, thú y cơ sở ở địa phương theo Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh và có năng lực, tâm huyết được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ; người có trình độ cao hơn về chuyên môn; người có hộ khẩu thường trú tại địa phương; anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động; thương binh; người hưởng chính sách như thương binh; con

liệt sĩ; con thương binh; con của người hưởng chính sách như thương binh; người dân tộc ít người; người thuộc hộ nghèo; người hoàn thành nghĩa vụ quân sự.

5.2. Quản lý, sử dụng

NVKN và NVTY chịu sự chỉ đạo, quản lý toàn bộ hoạt động của Ủy ban nhân dân cấp xã. Đồng thời chịu sự hướng dẫn, kiểm tra giám sát về chuyên môn, nghiệp vụ của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện, Phòng Kinh tế thành phố, thị xã, Trạm Khuyến nông, Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật cấp huyện đối với NVKN; Trạm Chăn nuôi và Thú y cấp huyện đối với NVTY.

6. Chế độ, chính sách đối với nhân viên khuyến nông và nhân viên thú y

a) NVKN và NVTY được hưởng chế độ phụ cấp hàng tháng bằng 1,15 mức lương cơ sở do Chính phủ quy định.

b) NVKN và NVTY được đóng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế theo quy định của Luật Bảo hiểm và các văn bản liên quan.

c) NVKN và NVTY được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ như quy định đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã.

d) Cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được giao kiêm nhiệm thêm chức danh NVKN, NVTY cấp xã mà giảm đi 1 người làm việc theo quy định, được hưởng thêm 50% mức phụ cấp của chức danh kiêm nhiệm. Trường hợp kiêm nhiệm nhiều chức danh cũng chỉ được hưởng 50% mức phụ cấp của chức danh kiêm nhiệm có mức phụ cấp cao nhất. Phụ cấp kiêm nhiệm chức danh không dùng để tính đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

e) NVKN và NVTY được nghỉ, thôi hoạt động khi đủ tuổi 62 đối với nam và 60 đối với nữ.

7. Quyền và nghĩa vụ của nhân viên khuyến nông và nhân viên thú y

7.1. Quyền

- Được tham gia các khoá bồi dưỡng tập huấn đào tạo, tham quan hội nghị, hội thảo để nâng cao kiến thức, kỹ năng và phương pháp công tác, trình độ chuyên môn nghiệp vụ và quản lý sản xuất kinh doanh.

- Được hưởng thêm chế độ phụ cấp khi trực tiếp tham gia quản lý, triển khai thực hiện các mô hình, chương trình, dự án về sản xuất nông - lâm - ngư, phòng chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi (nếu có) trên địa bàn tại địa phương mình phụ trách.

7.2. Nghĩa vụ

- Chấp hành quy định pháp luật, nội quy, quy chế của địa phương.

- NVKN và NVTY phải hoàn thành các nhiệm vụ được quy định tại Quy định này.

8. Kinh phí thực hiện hàng năm

8.1. Kinh phí

- Dự toán mức chi sẽ biến động khi có thay đổi về mức lương cơ sở theo quy định của Chính phủ.

- Tổng kinh phí ngân sách nhà nước hàng năm chi trả là 5.942.212,38 đồng.

Cụ thể:

ĐVT: Nghìn đồng

Đối tượng	Số lượng	Hệ số	Chi trả phụ cấp	Chi trả BHXH (14%)	Chi trả BHYT (3%)	Tổng
Nhân viên khuyến nông	121	1,15	2.488.002,00	348.320,28	74.640,06	2.910.962,34
Nhân viên thú y	126	1,15	2.590.812,00	362.713,68	77.724,36	2.953.525,68
Tổng	247		5.078.814,00	711.033,96	152.364,42	5.942.212,38

Tổng kinh phí phụ cấp cho Nhân viên khuyến nông và Nhân viên thú y xã, phường, thị trấn hàng năm giảm khoảng từ 4-7 tỷ đồng/năm so với giai đoạn 2017 - 2020.

8.2. Xây dựng kế hoạch ngân sách và chi trả phụ cấp

Các khoản phụ cấp, kinh phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho NVKN và NVTY được cân đối qua ngân sách cấp xã hàng năm. Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chi trả phụ cấp, kinh phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định.

III. HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN

1. Hiệu quả kinh tế

- Đề án được thực hiện thì đội ngũ NVKN và NVTY tiếp tục được kiện toàn và củng cố, phù hợp với các quy định của pháp luật và hệ thống tổ chức của Ngành ở địa phương, khắc phục tồn tại, hạn chế bất cập trong quá trình tổ chức thực hiện về hệ thống khuyến nông và Thú y cơ sở từ trước đến nay.

- Giúp cho các địa phương có đủ nguồn lực xây dựng và thực hiện có hiệu quả các dự án phát triển sản xuất; đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả; tổ chức liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản hàng hóa... nhằm giúp cho người dân nâng cao thu nhập, giảm tỷ lệ hộ nghèo, sản xuất và tiêu thụ nông sản mang tính ổn định, bền vững, góp phần quan trọng trong việc đẩy nhanh tiến trình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới ở địa phương.

- Phòng, chống dịch bệnh trên cây trồng, con nuôi kịp thời, giảm thiểu thiệt hại cho người nông dân; giảm chi ngân sách trong chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi hàng năm của tỉnh.

2. Hiệu quả xã hội

- Tiếp tục chuyển biến nhận thức cho bà con nông dân trong việc áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp.

- Góp phần làm sạch môi trường sống, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

- NVKN và NVTY là người địa phương, sinh sống trực tiếp tại địa bàn thông thuộc phong tục tập quán, địa hình nên rất sâu sát, dễ nắm bắt tâm tư nguyện vọng, khó khăn của nông dân. Do đó, họ không chỉ có tác động đến người nông dân về mặt kỹ thuật mà còn truyền thụ cả về văn hóa, xã hội gắn với đời sống của người dân, nâng cao năng lực cộng đồng cho dân cư nông thôn.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn

- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã lựa chọn NVKN và NVTY đảm bảo đúng tiêu chuẩn và số lượng của từng đơn vị.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ xây dựng kế hoạch kinh phí đào tạo, tập huấn hàng năm cho NVKN và NVTY.

2. Sở Nội vụ

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ NVKN và NVTY.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp hoạt động của các chương trình, dự án được triển khai trên địa bàn gắn với hoạt động khuyến nông, thú y nhằm phát huy hiệu quả, mục tiêu của chương trình, dự án.

4. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, Ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện cân đối ngân sách hàng năm cho NVKN và NVTY; hướng dẫn, giám sát việc sử dụng kinh phí đúng mục đích, có hiệu quả.

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lựa chọn, quản lý, sử dụng NVKN và NVTY theo đúng quy định.

- Chỉ đạo Phòng Nội vụ phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Kinh tế và các Trạm Khuyến nông, Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Trạm Chăn nuôi và Thú y thẩm định việc lựa chọn NVKN và NVTY theo đúng quy định.

- Tăng cường quản lý, hỗ trợ hoạt động có hiệu quả, lồng ghép các chương trình của huyện, thành phố, thị xã.

- Có chính sách bồi dưỡng, tạo nguồn cán bộ cho địa phương đối với NVKN, NVTY trong độ tuổi, có trình độ, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, được nhân dân tín nhiệm.

6. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn

- Đề xuất nhân sự NVKN, NVTY gửi Phòng Nội vụ, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Kinh tế, Trạm Chăn nuôi và Thú y, Trạm Khuyến nông, Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật để xem xét trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xin chủ trương lựa chọn.

- Tạo điều kiện về địa điểm, phương tiện làm việc cho NVKN và NVTY; đồng thời trực tiếp chỉ đạo NVKN, NVTY thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

- Định kỳ, tổ chức giao ban, trực báo với NVKN và NVTY.

- Thực hiện nhận xét, đánh giá hàng năm kết quả hoạt động của NVKN và NVTY báo cáo kết quả các cấp cơ quan, đơn vị liên quan.

V. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

1. Kết luận

Hệ thống quản lý, phục vụ quản lý chuyên ngành trồng trọt, lâm nghiệp và bảo vệ thực vật, chăn nuôi và thú y, khuyến nông được hình thành từ tỉnh đến

cơ sở là một trong những nhân tố tích cực góp phần tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá - hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn tỉnh nhà; Kiểm soát tốt dịch bệnh ở cây trồng, vật nuôi, bảo vệ sức khỏe cộng đồng và chủ động hội nhập sâu rộng với quốc tế.

Đề án phù hợp với chủ trương của Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và của tỉnh về tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn toàn tỉnh.

2. Đề nghị

1. Đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh không tiếp tục bố trí đội ngũ cộng tác viên khuyến nông và cộng tác viên thú y thôn, bản.

2. Đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua Đề án, tạo điều kiện thuận lợi để triển khai thực hiện Đề án hiệu quả, đúng tiến độ đạt được mục tiêu trước mắt và lâu dài.

3. Đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định NVKN và NVTY được bố trí chế độ, chính sách như người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn theo Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND ngày 21/4/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị về quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp và phụ cấp kiêm nhiệm đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã; hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, tổ dân phố; quy định mức bồi dưỡng đối với người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Quảng Trị./...*DL*

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND Tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Lưu: VT, NN. *DL*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Võ Văn Hưng